

Số: 33/2024/QĐST-DS

Q, ngày 08 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 16/2024/TLST- DS ngày 01 tháng 02 năm 2024.

Căn cứ bản trình bày ý kiến của bị đơn Nguyễn Thị T vào ngày 31/3/2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB).

Địa chỉ: Số 25 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh Hương – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Lê Phương Uyên – Chuyên viên xử lý nợ Ngân hàng TMCP Quốc Dân theo Giấy ủy quyền số 157/2024/UQ-BĐH.NCB.01 ngày 06/01/2024.

- Bị đơn: Anh Tạ Văn H, sinh năm 1981 và vợ Nguyễn Thị T, sinh năm 1983. Điều đăng ký thường trú tại: Xóm 9, thôn Phúc Đức, xã S, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Anh Tạ Văn H – chị Nguyễn Thị T và Ngân hàng TMCP Quốc Dân xác nhận tạm tính đến ngày 29/3/2024, anh H - chị T còn nợ Ngân hàng TMCP Quốc Dân số tiền đã vay theo Hợp đồng cho vay số 016/21/HĐTC-9342 ngày 01/4/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/016/21/HĐCV-9342 ngày 05/4/2021 là 512.146.106 đồng (Năm trăm mười hai triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn một trăm linh sáu đồng), cụ thể:

+ Nợ gốc: 341.665.995đ (Ba trăm bốn mươi một triệu sáu trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng).

+ Nợ lãi trong hạn: 110.880.901đ (Một trăm mười triệu tám trăm tám mươi nghìn chín trăm linh một đồng).

+ Nợ lãi quá hạn: 43.306.749đ (Bốn mươi ba triệu ba trăm linh sáu nghìn bảy trăm bốn mươi chín đồng).

+Nợ lãi phạt chậm trả lãi: 16.292.461đ (Mười sáu triệu hai trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm sáu mươi một đồng).

Anh Tạ Văn H – chị Nguyễn Thị T cam kết thanh toán cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân số tiền trên.

2.2. Kể từ ngày 30/3/2024, anh Tạ Văn H – chị Nguyễn Thị T phải chịu tiền lãi phát sinh đối với số tiền chưa trả theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số 016/21/HĐTC-9342 ngày 01/4/2021 và Đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 01/KUNN/016/21/HĐCV-9342 ngày 05/4/2021 cho đến khi trả hết nợ, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP Quốc Dân thì lãi suất mà anh H - chị T phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP Quốc Dân.

2.3. Anh Tạ Văn H - chị Nguyễn Thị T và Ngân hàng TMCP Quốc Dân thống nhất về lộ trình trả nợ như sau:

- Kỳ 1: Chậm nhất đến ngày 25/4/2024, anh H – chị T thanh toán cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), trả vào nợ gốc.

- Kỳ 2: Chậm nhất đến ngày 25/5/2024, anh H – chị T thanh toán tiếp cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), trả vào nợ gốc.

- Kỳ 3: Chậm nhất đến ngày 25/6/2024, anh H – chị T thanh toán cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân toàn bộ dư nợ gốc còn lại, số nợ lãi như nêu tại mục 2.1 và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/3/2024 như nêu tại mục 2.2 cho đến thời điểm tất toán toàn bộ khoản vay.

2.4. Trường hợp anh Tạ Văn H và chị Nguyễn Thị T vi phạm bất kỳ kỳ lộ trình thanh toán nào theo thỏa thuận nêu trên (vi phạm về số tiền phải trả hoặc về thời gian) thì Ngân hàng TMCP Quốc Dân có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 016/21/HĐTC-9342 ngày 01/4/2014 do Văn phòng công chứng An Nhất Nam, thành phố Hà Nội công chứng số: 01879, quyền số 02/2021 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 01/4/2021, để thu hồi toàn bộ khoản nợ. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Hà Nội – Chi nhánh huyện Q ngày 02/4/2021. Tài sản bảo đảm là:

Quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất cùng toàn bộ các quyền, lợi ích phát sinh từ thửa đất số: 262, tờ bản đồ số: 6 tại thôn Phúc Đức, xã S, huyện Q, Thành phố Hà Nội, đã được Sở Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 888542, vào sổ cấp GCN số: CS-QO 05596 ngày 07/10/2019 cho anh H – chị T.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm dùng để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của anh H – chị T cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân. Trường hợp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì anh H - chị T vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho ngân hàng. Nếu thừa thì trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

Tài sản bảo đảm được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm. Khi xử lý tài sản bảo đảm, các đương sự và những người đăng ký hộ khẩu thường trú, tạm trú, đang sinh sống tại tài sản bảo đảm có nghĩa vụ chấp hành quyết định của cơ quan xử lý tài sản bảo đảm.

2.5. Về án phí, chi phí tố tụng: Anh H và chị T tự nguyện chịu toàn bộ 12.242.000 đồng (Mười hai triệu hai trăm bốn mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ. Anh H – chị T có đơn xin giảm án phí do hoàn cảnh kinh tế khó khăn (đơn có xác nhận của UBND xã S, huyện Q, Thành phố Hà Nội) nên miễn ½ án phí cho anh chị theo quy định tại Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh H – chị T còn phải nộp 6.121.000đ (Sáu triệu một trăm hai mươi một nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Quốc Dân được nhận lại số tiền 11.884.000đ (Mười một triệu tám trăm tám mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0019866 ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q và 8.000.000đ (tám triệu đồng) chi phí tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ do anh H – chị T nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thúy

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../2024/QĐ-SCBSQĐ

Q, ngày 15 tháng 3 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH SƠ THẨM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q

Căn cứ vào Điều 268 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Xét cần sửa chữa, bổ sung quyết định do sơ suất trong quá trình đánh máy trong Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 105/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội đã giải quyết sơ thẩm vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Quốc Dân (NCB). Địa chỉ: Số 25 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị Thanh Hương – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Ngọc Linh – Chuyên viên xử lý nợ - Trung T xử lý nợ Ngân hàng TMCP Quốc Dân theo Giấy ủy quyền số 620/2023/UQ-NCB 01 ngày 11/9/2023.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tiến Mậu, sinh năm 1956 và vợ Tạ Thị Loan, sinh năm 1957. Hiện cùng cư trú tại: Xóm 10, thôn Phúc Đức, xã S, huyện Q, thành phố Hà Nội.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Tiến Mậu, sinh năm 1956 và vợ Tạ Thị Loan, sinh năm 1957. Hiện cùng cư trú tại: Xóm 10, thôn Phúc Đức, xã S, huyện Q, thành phố Hà Nội.

+ Anh Nguyễn Tiến Luyện và vợ Bùi Thị Thắng cùng các con Nguyễn Tiến Nguyên, Nguyễn Thị Mỹ Duyên. Hiện cùng cư trú tại: Xóm 8, thôn Phúc Đức, xã S, huyện Q, thành phố Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Sửa chữa, bổ sung Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 105/2023/QĐST-DS ngày 30 tháng 10 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội như sau:

Tại dòng thứ 7 từ dưới lên, trang 3 của quyết định đã ghi: “30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.”

Nay sửa chữa, bổ sung như sau: “30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ông Mậu - bà Loan còn phải nộp số tiền 8.000.000đ (Tám triệu đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Quốc Dân”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H.Q;
- Chi cục THADS H.Q;
- Lưu hồ sơ tại Tòa án.

THẨM PHÁN

Đào Thị Thúy

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 53-DS:

- (1) Ghi tên Toà án nhân dân đã xét xử sơ thẩm và ra bản án; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện A, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án (ví dụ: Số: 10/2017/QĐ-SCBA).
- (3) Tuy từng trường hợp mà ghi cụ thể “lỗi rõ ràng về chính tả”, “nhầm lẫn về số liệu” hoặc “tính toán sai”.
- (4) Ghi số bản án và ngày tháng năm ra bản án (ví dụ: Số:15/2017/DSST-KDTM ngày 20-4-2017).
- (5) Ghi tên Toà án nhân dân đã ra bản án đó theo cách ghi hướng dẫn tại điểm (1).
- (6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá

nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).

(7) Trích lại nguyên văn phần bản án phát hiện có sai sót cần sửa chữa, bổ sung.

(8) Ghi đầy đủ nội dung cần sửa chữa, bổ sung để khắc phục sai sót.

(9) Thẩm phán chủ tọa phiên tòa phối hợp với các Hội thẩm nhân dân là thành viên Hội đồng xét xử đã tuyên bản án đó phải ra quyết định sửa chữa, bổ sung bản án. Nếu Thẩm phán đã xét xét xử vụ án đó không còn đảm nhiệm chức vụ Thẩm phán tại Tòa án đã ra bản án đó thì Chánh án Tòa án phải thực hiện việc sửa chữa, bổ sung bản án